

PHỤ LỤC I

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6
KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 400/TB-HV ngày 26/5/2016 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

TIẾNG ANH

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC	CAMBRIDGE EXAM	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4,5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1
Tổ chức cấp chứng chỉ	- British Council (BC); - International Development Program (IDP)	- Educational Testing Service (ETS), hoặc trung tâm IIG, IIE được ETS ủy quyền		- Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận			- Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận

(Ghi chú: Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được.

Trong trường hợp Học viện không xác định được rõ Tổ chức cấp chứng chỉ Quốc tế, thì Học viện yêu cầu thí sinh tham gia thi)

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GÀN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 40/ĐTB-HV ngày 26/5/2016 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gàn / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Ghi chú	
			Môn bổ sung kiến thức	Số tiết		
Kỹ thuật viễn thông Mã chuyên ngành: 60520208	Kỹ thuật điện tử, truyền thông (Kỹ thuật điện tử viễn thông trước đây)	<ul style="list-style-type: none"> - Vô tuyến điện và thông tin liên lạc; - Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông (Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông); - Điện tử thông tin; - Chỉ huy Kỹ thuật viễn thông; - Các chuyên ngành về điện tử viễn thông, kỹ thuật thông tin, kỹ thuật viễn thông của các trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành. 	Nhóm 1: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật máy tính; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật điều kiện và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Kỹ thuật điện tử; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Điện tử tin học; - Vật lý vô tuyến. 	Nhóm 1: 1. Truyền dẫn số 2. Cơ sở kỹ thuật thông tin quang 3. Cơ sở kỹ thuật thông tin vô tuyến 4. Cơ sở kỹ thuật mạng truyền thông	30 30 30 30	
			Nhóm 2: <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin; - Khoa học máy tính; - Truyền thông và mạng máy tính; - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Tin học; - Tin học ứng dụng. 	Nhóm 2: 1. Tin hiệu và hệ thống 2. Lý thuyết thông tin	30 30	Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau:
		<ul style="list-style-type: none"> - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành 				

Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đang	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Ghi chú	
			Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức		Số tiết
			Nhóm 1: - Toán ứng dụng; - Sư phạm tin học; - Tin học quản lý; - Cơ tin; - Toán - Thống kê - Tin học; - Toán tin. - Hệ thống thông tin kinh tế	Nhóm 1: 1. Cơ sở dữ liệu 2. Hệ điều hành 3. Mạng máy tính 4. Công nghệ phần mềm	30 30 30 30	
Hệ thống thông tin Mã chuyên ngành: 60480104;	- Hệ thống thông tin	- Công nghệ thông tin; - Kỹ thuật phần mềm; - Truyền thông và mạng máy tính; - Tin học; - Tin học ứng dụng; - Các chuyên ngành về: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, tin học, khoa học tính toán, kỹ thuật tính toán của các trường đại học khác; Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính</i>) của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chi của khối kiến thức ngành.	Nhóm 2: - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Kỹ thuật điện tử viễn thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông; - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Điện tử tin học; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Kỹ thuật điện tử.	Nhóm 2: Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau: 1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 2. Kiến trúc máy tính	40 30	
Khoa học máy tính Mã ngành: 60480101;	- Khoa học máy tính					
			- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính) của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chi của khối kiến thức ngành			

Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức			Ghi chú
			Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết	
Quản trị kinh doanh Mã số: 60340102	Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị khách sạn; - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; - Kinh doanh thương mại; - Các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh của trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT và có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. 	Nhóm 1 (Ngành gần): <ul style="list-style-type: none"> - Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT; - Hoặc các ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. 	Nhóm 1: 1. Marketing căn bản; 2. Quản trị học; 3. Quản trị chiến lược; 4. Quản trị sản xuất; 5. Quản trị tài chính; 6. Quản trị nhân lực.	30 40 30 30 30 30	
			Nhóm 2 (Ngành khác): Các ngành Công nghệ, Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên, Kiến trúc, Xây dựng, Môi trường, Nông - lâm nghiệp, Pháp luật, Chính trị, Du lịch, Quản sự, An ninh.	Nhóm 2: <i>Ngoài 6 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 6 môn sau:</i> 1. Kinh tế vi mô 1; 2. Kinh tế vĩ mô 1; 3. Tài chính tiền tệ; 4. Kinh tế lượng; 5. Luật kinh tế; 6. Nguyên lý kế toán.	40 40 30 40 30 40	